

XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ VÀ KHUNG ĐÁNH GIÁ HỌC CHẾ TÍN CHỈ

DEVELOPING CRITERIA AND ASSESSMENT FRAMEWORK FOR THE CREDIT SYSTEM

(Đã công bố tại Tạp chí Khoa học - Đại học Huế, 6 (105), 2015, tr. 5-19)

TS. Lê Văn Hảo – Trường Đại học Nha Trang

Tóm tắt

Học chế tín chỉ đã được áp dụng và ngày càng phổ biến ở các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam trong suốt gần hai thập kỷ qua, tuy nhiên gần đây đã bắt đầu xuất hiện những bất cập trong việc xác định các tiêu chí để đánh giá mức độ đạt được cũng như dựa vào đó để tiếp tục xây dựng các giải pháp nhằm tiếp tục phát triển. Trên cơ sở đánh giá tình hình áp dụng học chế tín chỉ tại Việt Nam và khái quát về kinh nghiệm của các quốc gia đã sớm triển khai học chế này (như Hoa Kỳ, hệ thống GDDH Châu Âu), tác giả xác định các mục tiêu của học chế tín chỉ và từ đó bước đầu xây dựng một Bộ tiêu chí đánh giá học chế tín chỉ. Dựa trên bộ tiêu chí này, tác giả xây dựng một Khung đánh giá học chế tín chỉ để góp phần giúp các trường đại học, cao đẳng tự đánh giá quá trình triển khai và định hướng phát triển học chế tín chỉ tại trường mình.

The credit system has been implemented more and more popularly in Vietnamese universities and colleges during the last two decades. Recently, however, there have been obstacles in identifying criteria for assessing the implementation and also for designing solutions to improve it. Based on the assessment of the implementation process of credit system in Vietnam and the overview of international practices (particularly in the US and European higher education), the author identified the objectives of the credit system and developed a set of criteria for assessing its implementation. Based on those criteria, an assessment framework was developed for assessing and designing improvement solutions of the credit system in each institution.

1. Sơ lược lịch sử và tình hình áp dụng học chế tín chỉ tại Việt Nam

Về mặt lịch sử, học chế tín chỉ được cho là đã bắt đầu áp dụng tại Việt Nam sau khi chính quyền của chế độ Việt Nam Cộng Hòa thiết lập Viện Đại học Huế và Viện Đại học Sài Gòn (cùng thành lập năm 1957) và áp dụng mô hình đào tạo đại học của Hoa Kỳ (Lâm Quang Thiệp, 2006). Sau tháng 4/1975, giáo dục đại học (GDDH) tại Miền Nam Việt Nam được tổ chức theo mô hình đào tạo kiểu niên chế của Miền Bắc dựa trên mô hình của Liên Xô.

Từ cuối năm 1986, khi nước ta chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì GDDH cũng bắt đầu có nhiều thay đổi. Hội nghị Hiệu trưởng các trường đại học do Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) tổ chức vào mùa hè năm 1987 tại Nha Trang được coi là một cột mốc quan trọng trong lịch sử GDDH Việt Nam, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới với những bước đột phá chưa từng có trong toàn hệ thống. Một trong những chủ trương quan trọng được đưa ra từ Hội nghị này là việc triển khai trong các trường đại học qui trình đào tạo hai giai đoạn và môđun hoá kiến thức. Theo đó, học chế “học phần” đã ra đời và được triển khai trong toàn bộ hệ thống các trường đại học và cao đẳng nước ta từ năm 1988 (Lâm Quang Thiệp, 2006). Học chế này được xây dựng trên tinh thần tích lũy dần kiến thức theo môđun trong quá trình học tập nên có thể xem đây là một cách tiếp cận với mô hình học chế tín chỉ. Quy chế QC2238/QĐĐH của Bộ GD&ĐT ban hành tháng 12 năm 1990 được xem là văn bản chính thức đầu tiên hướng dẫn triển khai học chế học phần trong toàn hệ thống GDDH của Việt Nam.

Chỉ đạo vĩ mô quan trọng nhất của Nhà nước về việc chính thức chuyển đổi mô hình GDDH của Việt Nam sang học chế tín chỉ là Quyết định 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai

đoạn 2001 – 2010”, trong đó có một giải pháp là “*Thực hiện quy trình đào tạo linh hoạt; từng bước chuyển quy trình tổ chức đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ*”.

Trong Báo cáo về tình hình giáo dục tại kỳ họp Quốc hội tháng 10 năm 2004, Chính phủ khẳng định sẽ “*chỉ đạo đẩy nhanh việc mở rộng học chế tín chỉ ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề ngay từ năm học 2005 - 2006, phấn đấu đến năm 2010 hầu hết các trường đại học, cao đẳng đều áp dụng hình thức tổ chức đào tạo này*” (Lâm Quang Thiệp, 2006). Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện GDĐH Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo này thông qua nội dung nhiệm vụ:

Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông, chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhằm thống nhất cách triển khai học chế tín chỉ trong toàn hệ thống, ngày 15/8/2007, Bộ GD&ĐT ra Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (thường được gọi tắt là Quy chế 43). Quy chế này được sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống GDĐH cho đến hiện nay.

Trường Đại học Bách khoa TP. HCM là nơi đầu tiên (từ năm 1993) thử nghiệm học chế tín chỉ ngay từ khi chưa có các chủ trương chính thức và không thông qua “giai đoạn chuyển tiếp” là học chế học phần (Trương Chí Hiền, 2006). Sau đó, các trường Đại học Đà Lạt, Đại học Cần Thơ, Đại học Thủy sản ... đã từng bước chuyển đổi học chế học phần sang học chế tín chỉ với các qui mô và sắc thái khác nhau.

Sau gần hai thập kỷ triển khai học chế tín chỉ, sự khác biệt về qui mô, tính chất đào tạo và nguồn lực ở các trường đại học, cao đẳng (đặc biệt đối với các trường quân sự, trường đơn ngành) đã cho thấy chưa thể áp dụng mang tính bắt buộc và triệt để học chế tín chỉ trong toàn hệ thống. Vì vậy Luật Giáo dục đại học (ban hành năm 2012) đã chính thức cho phép các trường được tổ chức và quản lý đào tạo theo niên chế hoặc tín chỉ (Điều 37). Tuy vậy, cho đến nay hầu hết các trường đại học, cao đẳng thuộc khu vực dân sự đã triển khai áp dụng học chế tín chỉ với những qui mô, mức độ khác nhau.

Mặc dù học chế tín chỉ đã được triển khai khá rộng rãi trong toàn hệ thống GDĐH, việc xác định đầy đủ mục tiêu của học chế tín chỉ và từ đó xây dựng một hệ thống tiêu chí mang tính phổ quát để giúp mỗi trường đại học tự đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu của học chế này đến nay vẫn chưa được đặt ra. Sự khác biệt về nhận thức cũng như cách làm đối với học chế tín chỉ đã bắt đầu xuất hiện¹, và một số trường đại học, cao đẳng bắt đầu nhận ra sự thiếu vắng của một hệ thống các “chuẩn mực” chung để dựa vào đó họ có thể biết được mình có đi đúng hướng không và đang ở mức độ nào trong quá trình triển khai học chế tín chỉ (Trường ĐH Cần Thơ, 2006; Huỳnh Văn Thông, 2006). Một số trường khẳng định là đã “áp dụng thành công” học chế tín chỉ², mặc dù chưa chỉ ra được như thế nào là áp dụng thành công. Theo quan sát của một học giả Hoa Kỳ, nhiều trường đại học của Việt Nam mới chỉ đang cố gắng thực hiện các thay đổi mang tính bề mặt trong tiến trình chuyển đổi sang học chế tín chỉ, chẳng hạn như “gắn những giá trị của hệ thống đào tạo dựa trên tín chỉ Hoa Kỳ vào các chương trình đào tạo hiện nay của Việt Nam, và chỉ như vậy mà thôi” (Trexler, 2009).

Tuy nhiên, do tính đa dạng của các hệ thống GDĐH trên thế giới và quyền tự chủ cao của các trường đại học, nhất là ở các quốc gia đã và đang áp dụng thành công học chế tín chỉ, chúng ta đã không thể tìm thấy một khuôn mẫu hoặc các tiêu chí chung của học chế tín chỉ

¹ <http://kenhhtuyensinh.vn/dao-tao-tin-chi-dang-co-nhieu-van-de-phai-ban>,
<http://www.thanhnien.com.vn/pages/20121214/dao-tao-theo-tin-chi-con-nhieu-bat-cap.aspx>

² http://www.hcmus.edu.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=503&Itemid=929

để từ đó vận dụng cho GDDH Việt Nam. Mỗi trường đại học, mỗi tỉnh/bang, hoặc mỗi hệ thống GDDH có thể đề ra các nguyên tắc để giúp vận hành học chế tín chỉ được áp dụng trong phạm vi của mình, tiêu biểu như các qui định của Đại học California³, các nguyên tắc của bang British Columbia (thuộc Canada)⁴, hoặc hướng dẫn về ECTS của GDDH Châu Âu⁵.

2. Xác định mục tiêu của học chế tín chỉ

Lịch sử phát triển của học chế tín chỉ thường lấy mốc thời gian là năm 1872, khi Đại học Havard của Hoa Kỳ bắt đầu triển khai hệ thống các môn học tự chọn nhằm đáp ứng các nhu cầu học tập khác nhau của người học (Trexler, 2009). Với cách làm đó, chương trình đào tạo (CTĐT) của các ngành học không còn là những hệ thống môn học như nhau đối với tất cả người học mà có sự khác nhau nhất định theo sự lựa chọn của mỗi người học sao cho phù hợp với sở thích và năng lực cá nhân cũng như đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn cuộc sống (Lâm Quang Thiệp, 2006). Điều này thể hiện tính **mềm dẻo** của học chế tín chỉ.

Kể từ khi hệ thống các trường cao đẳng cộng đồng (community college) tại Hoa Kỳ phát triển mạnh (từ những năm 1960), nhu cầu của người học cao đẳng được **liên thông** chương trình và bằng cấp với các trường đại học cũng bắt đầu được chấp nhận ngày càng rộng rãi và được thể chế hóa (Bekhradnia, 2004). Sự liên thông này đã giúp cho rất nhiều sinh viên không đủ năng lực học tập và tài chính để theo học tại các trường đại học có thể học tại các trường cao đẳng trước, sau đó liên thông lên trình độ đại học và cao hơn nữa. Yêu cầu về tính liên thông trong GDDH ngày càng cao khi nhu cầu của người học về chuyển đổi trường, ngành học, quốc gia theo học càng lúc càng phát triển theo xu thế toàn cầu hóa và quốc tế hóa trong GDDH (CHEA, 2000).

Khi hệ thống đại học Châu Âu bắt đầu xây dựng *hệ thống chuyển đổi tín chỉ* (ECTS) vào năm 1989, tăng cường sự liên thông giữa các trường đại học trong cùng và bên ngoài hệ thống, đồng thời gia tăng tính **thích nghi** của người học và các chương trình đào tạo đối với thị trường lao động đã được xem là các mục tiêu hàng đầu (European Commission, 2003; EUA, 2002; Bekhradnia, 2004). Tính thích nghi này một mặt đòi hỏi nhà trường phải chú trọng đến việc phát triển năng lực toàn diện cho người học, đặc biệt là các năng lực nghề nghiệp; mặt khác cần không ngừng đáp ứng các yêu cầu học tập đa dạng và gắn liền với thực tiễn của xã hội thông qua các chương trình và phương thức đào tạo linh hoạt. GDDH định hướng nghề nghiệp (Professional/Profession – oriented higher education), một xu hướng đang được quan tâm của GDDH thế giới hiện nay⁶ với chủ trương tăng cường sự gắn kết giữa hoạt động đào tạo và thế giới việc làm (Delplace, nd.), có thể được xem như một minh chứng cho mục tiêu này.

Với những phân tích như trên, các mục tiêu của học chế tín chỉ có thể được khái quát như sau:

*“Học chế tín chỉ trong GDDH nhằm tạo ra sự **mềm dẻo** cho quá trình đào tạo, làm gia tăng tính **thích nghi** của người học đối với thị trường lao động và khả năng **liên thông** đào tạo trong và ngoài hệ thống đại học của mỗi quốc gia”.*

3. Đề xuất Bộ tiêu chí đánh giá học chế tín chỉ

Trên cơ sở mục tiêu của học chế tín chỉ như trên, tác giả đề xuất Bộ tiêu chí (tự) đánh giá học chế tín chỉ gồm 12 tiêu chí như sau:

3.1 Các tiêu chí đo lường tính **mềm dẻo**:

- Khả năng SV có thể lựa chọn học phần

³ <http://admission.universityofcalifornia.edu/counselors/transfer/advising/transferring-credits/>

⁴ <http://www.bccat.ca/system/principles>

⁵ http://ec.europa.eu/education/tools/ects_en.htm

⁶ <http://www.worldbank.org/en/events/2013/05/15/professionally-oriented-higher-education-conference>

- Khả năng SV có thể chuyển đổi ngành học
- Khả năng SV có thể xây dựng lộ trình học tập riêng
- Khả năng SV có thể tích lũy tín chỉ từ các hoạt động ngoại khóa

3.2 Các tiêu chí đo lường tính **thích nghi**:

- Cơ hội giúp SV phát triển kiến thức thực tế, cập nhật
- Cơ hội giúp SV phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học
- Cơ hội giúp SV phát triển kỹ năng mềm
- Khả năng phát triển các CTĐT mới, đa dạng và cập nhật trên nền tảng các CTĐT hiện hữu

3.3 Các tiêu chí đo lường tính **liên thông**:

- Khả năng chuyển đổi tín chỉ giữa các hình thức đào tạo trong một trường
- Tính liên tục và kế thừa của các CTĐT từ thấp đến cao trong một trường
- Mức độ công nhận tín chỉ, bằng cấp giữa các trường trong cùng hệ thống đại học (trong nước)
- Mức độ công nhận tín chỉ, bằng cấp với các trường không cùng hệ thống đại học (ngoài nước)

4. Đề xuất Khung đánh giá học chế tín chỉ

Dựa trên Bộ tiêu chí đánh giá học chế tín chỉ, tác giả xây dựng Khung đánh giá học chế tín chỉ (Bảng 1) trong đó bao gồm cả mục tiêu và nội dung các tiêu chí, đồng thời đề xuất hệ thống các Chỉ báo thực hiện (Performance indicator) đối với mỗi tiêu chí để góp phần cụ thể hóa nội dung (tự) đánh giá.

Bảng 1: Khung đánh giá học chế tín chỉ

Mục tiêu	Tiêu chí đánh giá	Chỉ báo thực hiện	Đánh giá/Tự đánh giá	
			Đã làm được	Chưa làm được
Tính mềm dẻo	Khả năng SV có thể lựa chọn học phần (HP)	Qui định về các loại HP và lựa chọn HP		
		Hệ thống HP tự chọn của các CTĐT		
		Đảm bảo của đội ngũ GV đối với các HP		
		Đảm bảo của hệ thống cơ sở vật chất phục vụ dạy và học đối với các HP		
		Đảm bảo của hệ thống thư viện và các nguồn tài nguyên thông tin đối với các HP		

		Khả năng SV tiếp cận các nguồn thông tin về đào tạo (Chuẩn đầu ra, CTĐT, đề cương học phần, ...)		
		Khả năng phân mềm quản lý đào tạo, SV		
		Hệ thống tư vấn SV về học tập, định hướng nghề nghiệp		
	Khả năng SV có thể chuyển đổi ngành học	Qui định về chuyển đổi ngành học		
		Khả năng chuyển đổi giữa các CTĐT		
	Khả năng SV có thể xây dựng lộ trình học tập riêng	Qui định về kéo dài/rút ngắn thời gian đào tạo và lựa chọn học phần		
	Khả năng SV có thể tích lũy tín chỉ từ các hoạt động ngoại khóa	Qui định về tích lũy tín chỉ từ các hoạt động ngoại khóa		
		Danh mục các hoạt động thực tiễn được qui đổi tín chỉ		
		Mạng lưới các cơ sở thực tập (các doanh nghiệp, cơ quan, ...)		
	Tính thích nghi	Cơ hội giúp SV phát triển kiến thức thực tế, cập nhật	Qui định về cập nhật các CTĐT	
			Khả năng hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành	
			Khả năng SV được tiếp cận thực tiễn trong quá trình đào tạo	
		Cơ hội giúp SV phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học	Các qui định về ra đề kiểm tra – thi, tổ chức tự học	
			Các tổ chức câu lạc bộ dành cho SV	
			Các chính sách khuyến khích hoạt động sáng tạo trong SV	
		Cơ hội giúp SV phát triển kỹ năng mềm	Qui định về phát triển kỹ năng mềm cho SV	
			Mối liên hệ giữa các HP và chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	
			Sử dụng các phương pháp dạy học giúp phát triển kỹ	

		năng mềm		
		Các tổ chức câu lạc bộ dành cho SV		
		Các hoạt động ngoại khóa dành cho SV		
	Khả năng phát triển các CTĐT mới, đa dạng và cập nhật trên nền tảng các CTĐT hiện hữu	Qui định về phát triển các CTĐT mới		
		Khả năng tích hợp các CTĐT		
Tính liên thông	Khả năng chuyển đổi tín chỉ giữa các hình thức đào tạo trong một trường	Qui định về chuyển đổi tín chỉ giữa các hình thức đào tạo		
		Tính tương đương của các HP thuộc các hình thức đào tạo		
	Tính liên tục và kế thừa của các CTĐT từ thấp đến cao trong một trường	Qui định về đào tạo liên thông giữa các bậc học		
		Sự liên tục và kế thừa của các CTĐT từ thấp đến cao		
	Mức độ công nhận tín chỉ, bằng cấp giữa các trường trong cùng hệ thống đại học (trong nước)	Mức độ công nhận tín chỉ giữa các trường trong cùng hệ thống		
		Mức độ công nhận bằng cấp giữa các trường trong cùng hệ thống		
	Mức độ công nhận tín chỉ, bằng cấp với các trường không cùng hệ thống đại học (ngoài nước)	Mức độ công nhận tín chỉ với các trường không cùng hệ thống		
		Mức độ công nhận bằng cấp với các trường không cùng hệ thống		

5. Đề xuất hướng nghiên cứu và sử dụng

Việc xây dựng Bộ tiêu chí và Khung đánh giá học chế tín chỉ như trên mới chỉ là nỗ lực của cá nhân tác giả, rất cần có những nghiên cứu tiếp theo để hoàn thiện. Đối với Khung đánh giá, các Chi báo thực hiện rất cần được điều chỉnh hoặc bổ sung thêm để góp phần cụ thể hóa hơn nữa các tiêu chí đánh giá và để phù hợp hơn với tình hình triển khai học chế tín chỉ tại Việt Nam cũng như ở mỗi trường.

Một khi Bộ tiêu chí và Khung đánh giá học chế tín chỉ đã được hoàn thiện, mỗi trường có thể sử dụng chúng để đánh giá hiện trạng của học chế tín chỉ tại trường mình, từ đó xây dựng các giải pháp và hoạt động cụ thể trong từng năm học để từng bước hoàn thiện học chế này. Ở tầm vĩ mô, một bộ tiêu chí và khung đánh giá như vậy (nhưng với các tiêu chí và chỉ số thực hiện mang tính khái quát hơn) cũng có thể được sử dụng để nhận định về bức tranh chung của việc áp dụng học chế tín chỉ trong cả hệ thống GDĐH và từ đó xây dựng các giải pháp để từng bước hoàn thiện.

Tài liệu tham khảo:

- Bekhradnia, B., *Credit accumulation and transfer, and the Bologna Process: an overview*, Higher Education Policy Institute, 2004.
- CHEA, *A statement to the community: transfer and the public interest*, CHEA, 2000 (http://www.chea.org/pdf/transfer_state_02.pdf)
- Delplace, S. (nd.), *Introduction to the theme Professional Higher Education* (http://www.eurashe.eu/library/mission-phe/EURASHE_AC_Split_130509-10_pres_DELPLACE.pdf?197db2)
- EUA, *Credit transfer and accumulation – the challenge for institutions and students*, EUA, 2002 (http://www.eua.be/eua/jsp/en/upload/ZURECTS_Fi.1069146636712.pdf)
- European Commission, *Trends in learning structures in European higher education III*, European Commission, 2003 (http://www.aic.lv/ace/ace_disk/acebook/Trends_all.pdf)
- Huỳnh Văn Thông, *Nhận diện các xung đột hệ thống khi triển khai học chế tín chỉ trong điều kiện Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo VUN 2006, 164-168.
- Lâm Quang Thiệp, *Về việc áp dụng học chế tín chỉ trên thế giới và ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo "Xây dựng chương trình đào tạo theo tín chỉ có sử dụng Internet", Viện Nghiên cứu Giáo dục, 2006, 83-102.
- Trexler, C. J., *Hệ thống tín chỉ tại các trường đại học Hoa Kỳ: Lịch sử phát triển, định nghĩa và cơ chế hoạt động*, 2009 (<http://ceea.ier.edu.vn/toa-dam-hoi-thao/dao-tao-lien-thong-theo-he-thong-tin-chi/208-h-thng-tin-ch-ti-cac-trng-i-hc-hoa-k-lch-s-phat-trin-nh-ngha-va-c-ch-hot-ng>)
- Trương Chí Hiền, *Tổng quan về thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Bách Khoa – ĐHQG HCM*, Kỷ yếu Hội thảo VUN 2006, 158-164.
- Trường ĐH Cần Thơ, *Áp dụng học chế tín chỉ tại Đại học Cần Thơ*, Kỷ yếu Hội thảo VUN 2006, 137-149.

Thông tin tác giả:

Lê Văn Hào

Phòng ĐBCL & Thanh tra, Trường Đại học Nha Trang

Email: haolv@ntu.edu.vn

ĐT: 0905102855